

Số: 53/2026/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định
chính sách hỗ trợ đối với hoạt động vận tải hành khách
công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của
Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn
tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ
tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định chính sách hỗ trợ đối với hoạt động
vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định một số nội dung thực hiện
Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân
dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với hoạt động vận tải hành khách công
cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung thực hiện Nghị quyết số
08/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy

định chính sách hỗ trợ đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến các tuyến xe buýt được Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lựa chọn, phê duyệt được hưởng chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

2. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến các tuyến xe buýt thuộc trường hợp chuyển tiếp tại Điều 7 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo hợp đồng khai thác đã ký cho đến hết thời hạn hợp đồng khai thác theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Khảo sát, đánh giá và lập danh mục tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khảo sát, đánh giá các tuyến xe buýt như sau:

a) Đối với các tuyến xe buýt tổ chức khai thác mới: Trên cơ sở danh mục các tuyến xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố, Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lựa chọn tổ chức, đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm đánh giá, khảo sát, đề xuất lựa chọn các tuyến buýt đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

b) Đối với các tuyến xe buýt tổ chức khai thác lại: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn tỉnh đánh giá hiệu quả hoạt động của các tuyến xe buýt. Việc đánh giá dựa trên dữ liệu vận chuyển hành khách trong 12 tháng liền kề thời điểm đánh giá. Chi hỗ trợ cho các tuyến xe buýt tổ chức khai thác lại có tỷ lệ lấp đầy hành khách đạt tối thiểu 30% trở lên theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

2. Căn cứ vào kết quả khảo sát, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Xây dựng xác định danh mục, giá vé các tuyến buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ, tần suất vận chuyển, dự kiến kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, lấy ý kiến của Sở Tài chính về khả năng cân đối ngân sách trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

3. Sở Xây dựng chủ trì tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định giá vé để tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng lựa chọn doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, bảo đảm theo quy định hiện hành.

Điều 4. Tổ chức hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án đầu tư phương tiện xe buýt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Căn cứ danh mục các tuyến xe buýt đã đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Quyết định này, thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án đầu tư phương tiện xe buýt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt như sau:

1. Phương thức hỗ trợ:

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm chi trả chính sách hỗ trợ lãi suất bảo đảm điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND thông qua Kho bạc Nhà nước khu vực VIII trên cơ sở đầy đủ hồ sơ, thủ tục và xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của chủ dự án.

b) Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

c) Hợp đồng tín dụng.

d) Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức tín dụng xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

đ) Bảng kê hoặc bảng tính số tiền lãi đề nghị được hỗ trợ.

3. Trình tự, thủ tục thanh toán:

a) Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều này cho Sở Xây dựng. Chủ dự án có thể nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Trường hợp chủ dự án nộp hồ sơ qua đường bưu điện, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực và thời gian nhận hồ sơ được tính theo dấu bưu điện. Trường hợp chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

b) Căn cứ hồ sơ của chủ dự án, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của chủ dự án, Sở Xây dựng kiểm tra, rà soát hồ sơ, nếu hồ sơ không

đầy đủ hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Xây dựng thông báo cho chủ dự án. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của chủ dự án, Sở Xây dựng chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, gửi văn bản lấy ý kiến của Sở Tài chính và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Tài chính có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án. Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và được lưu giữ tại Sở Xây dựng cùng với hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ra quyết định về danh mục dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Xây dựng. Quyết định hỗ trợ cho chủ dự án được gửi cho các cơ quan: Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước khu vực VIII và được công bố công khai theo quy định.

d) Căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng thực hiện thanh toán số tiền hỗ trợ lãi suất cho chủ dự án theo quy định.

4. Chu kỳ thanh toán: Thanh toán định kỳ 03 tháng/lần.

5. Xử lý trong trường hợp chủ dự án vay vốn sử dụng vốn vay không đúng mục đích:

a) Khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay không đúng mục đích, Sở Xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định dừng hỗ trợ lãi suất và yêu cầu chủ dự án hoàn trả số tiền đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất (trong trường hợp ngân sách địa phương đã hỗ trợ lãi suất) hoặc không cấp hỗ trợ lãi suất (trong trường hợp ngân sách địa phương chưa hỗ trợ lãi suất); đồng thời, chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII thực hiện việc thu hồi số tiền phải hoàn trả cho ngân sách tỉnh.

b) Trường hợp chủ dự án không chấp hành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về thu hồi toàn bộ hoặc một phần số tiền hỗ trợ đã cấp, Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp chủ dự án có phương tiện, kết cấu hạ tầng được hỗ trợ lãi suất đầu tư chấm dứt phục vụ tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động trước khi hết thời hạn hỗ trợ lãi suất; Sở Xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định dừng hỗ trợ lãi suất từ thời điểm chấm dứt phục vụ tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động.

7. Định kỳ hằng năm (chậm nhất trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính), Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định.

Điều 5. Tổ chức hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Căn cứ danh mục các tuyến xe buýt đã đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này, thực hiện hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt như sau:

1. Phương thức hỗ trợ

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát và thanh toán kinh phí hỗ trợ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt bảo đảm mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND thông qua Kho bạc Nhà nước khu vực VIII trên cơ sở đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

2. Hồ sơ thanh toán:

a) Giấy đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ.

b) Tổng hợp doanh thu bán vé xe buýt (không bao gồm phần ngân sách cấp bù tiền miễn giá vé, giảm giá vé xe buýt), cụ thể: doanh thu bán vé xe buýt thông thường và doanh thu bán vé xe buýt cho đối tượng được giảm giá vé theo quy định và hóa đơn, chứng từ kèm theo.

c) Tổng hợp vé điện tử đã truyền qua cơ quan thuế (trường hợp đơn vị vận tải thực hiện bán vé điện tử).

d) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện giữa Sở Xây dựng và đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

(Chi tiết theo mẫu biểu tại Phụ lục đính kèm)

3. Trình tự, thủ tục thanh toán:

Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tổng hợp hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Sở Xây dựng xét duyệt hồ sơ, thực hiện thanh toán bảo đảm quy định hiện hành.

4. Chu kỳ thanh toán: Thanh toán định kỳ 03 tháng/lần.

5. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ thanh toán theo quy định. Trường hợp phát hiện hồ sơ kê khai không đúng thực tế, dữ liệu doanh thu hoặc sản lượng không trung thực, kê khai trùng, kê khai không; Sở Xây dựng thực hiện xử lý theo hợp đồng đã ký kết và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan

tạm dừng thanh toán cho đơn vị vận tải. Đồng thời, báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần kinh phí đã hỗ trợ và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Số kinh phí phải thu hồi được khấu trừ vào kỳ thanh toán tiếp theo hoặc nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện miễn, giảm giá vé cho các đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Việc miễn, giảm giá vé xe buýt quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND được thực hiện thông qua việc cấp thẻ cho các đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm giá vé xe buýt. Đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Sở Xây dựng. Sở Xây dựng thực hiện cấp miễn phí thẻ miễn, giảm giá vé xe buýt, tổng hợp kinh phí thực hiện cấp thẻ vào dự toán ngân sách năm kế hoạch của cơ quan mình gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ cho các đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm giá vé xe buýt:

a) Đơn đề nghị cấp thẻ miễn, giảm giá vé của đối tượng sử dụng xe buýt *(Trường hợp đối tượng sử dụng là trẻ em, người khuyết tật hoặc người cao tuổi không có khả năng viết được đơn thì người giám hộ hợp pháp ký thay).*

b) Bản sao căn cước (hoặc căn cước công dân) hoặc Giấy khai sinh đối với trẻ em chưa được cấp căn cước.

c) 01 ảnh chân dung kích thước (3 x 4) cm.

d) Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm giá vé theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND *(Trường hợp đối tượng được miễn, giảm giá vé chưa được cấp hoặc mất giấy tờ chứng nhận là đối tượng được cấp thẻ miễn, giảm giá vé thì Đơn đề nghị cấp thẻ phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và đóng dấu giáp lai vào ảnh theo quy định).*

3. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết và cấp thẻ miễn, giảm giá vé xe buýt:

Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết và cấp thẻ miễn, giảm giá vé xe buýt cho đối tượng đủ điều kiện theo quy định trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ tại khoản 2 Điều này.

4. Thời hạn thẻ:

Thẻ được cấp trong thời hạn 05 năm. Trường hợp cấp thẻ cho trẻ em dưới 6 tuổi thời hạn cấp thẻ được xác định theo giấy khai sinh, căn cước (hoặc căn cước công dân) đến thời điểm trẻ em đủ 6 tuổi. Đối với học sinh, sinh viên thời hạn cấp thẻ được xác định theo thời hạn thẻ học sinh, sinh viên do các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh cấp hoặc xác nhận.

5. Chu kỳ, hồ sơ, trình tự thanh toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm giá vé xe buýt:

a) Chu kỳ thanh toán: Thanh toán định kỳ 03 tháng/lần cùng với thanh toán kinh phí hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt quy định tại Điều 5 Quyết định này.

b) Hồ sơ thanh toán gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán cấp bù tiền miễn, giảm giá vé xe buýt;
- Tổng hợp kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm giá vé theo số lượt sử dụng dịch vụ của đối tượng được miễn, giảm giá vé và số lượng vé bán ra được miễn, giảm giá vé và hóa đơn, chứng từ kèm theo;
- Tổng hợp vé điện tử đã truyền qua cơ quan thuế (trường hợp đơn vị vận tải thực hiện bán vé điện tử);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện giữa Sở Xây dựng và đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

(Chi tiết theo mẫu biểu tại Phụ lục đính kèm)

c) Trình tự thanh toán:

Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tổng hợp hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi Sở Xây dựng xét duyệt hồ sơ, thực hiện thanh toán bảo đảm quy định hiện hành.

6. Phương thức thanh toán:

a) Ngân sách tỉnh cấp bù cho đối tượng được miễn, giảm giá vé thông qua doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Kinh phí cấp bù được tính toán trên cơ sở tổng hợp số tiền miễn, giảm giá vé theo số lượng vé bán ra cho đối tượng được miễn, giảm giá vé theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

7. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ thanh toán theo quy định. Trường hợp phát hiện hồ sơ kê khai không đúng thực tế, dữ liệu doanh thu hoặc sản lượng không trung thực, kê khai trùng, kê khai khống; Sở Xây dựng thực hiện xử lý theo hợp đồng đã ký kết và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tạm dừng thanh toán cho đơn vị vận tải. Đồng thời, báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần kinh phí đã hỗ trợ và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Số kinh phí phải thu hồi được khấu trừ vào kỳ thanh toán tiếp theo hoặc nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

Điều 7. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí

1. Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về kế toán.

2. Hằng năm, cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Xây dựng xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vào dự toán ngân sách năm kế hoạch của cơ quan mình, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 8. Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý vận tải xe buýt

1. Đối với các tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư, thiết lập, triển khai hệ thống phần mềm tích hợp để quản lý chính sách hỗ trợ và hoạt động vận hành các tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động. Hệ thống phần mềm phải đáp ứng yêu cầu quản lý đối tượng ưu tiên, số hóa hồ sơ định danh của các đối tượng được miễn, giảm giá vé bảo đảm cập nhật chi tiết thông tin, hình ảnh đối tượng miễn, giảm giá vé trên hệ thống phần mềm để phục vụ công tác kiểm soát, thanh toán, quyết toán theo quy định.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện các nội dung sau:

a) Sử dụng, duy trì hệ thống phần mềm được triển khai tại khoản 1 Điều này để tích hợp quản lý, giám sát hành trình (bảo đảm truyền dữ liệu giám sát hành trình ổn định, hoạt động liên tục, video hình ảnh rõ nét về hệ thống quản lý); kết nối với cơ quan thuế để phát hành hóa đơn điện tử và lưu trữ dữ liệu theo quy định.

b) Cập nhật chi tiết thông tin, hình ảnh đối tượng miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ xe buýt trên hệ thống phần mềm để phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát thanh toán, quyết toán theo quy định.

c) Quản lý biểu đồ chạy xe, hành trình, lịch trình các tuyến xe buýt được duyệt; công khai thông tin trên trang thông tin điện tử, ứng dụng hoặc nền tảng phù hợp để hành khách tra cứu lộ trình và thời gian xe đến điểm dừng xe buýt theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, không để xảy ra trục lợi chính sách.

b) Thực hiện công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt gồm:

Xây dựng kế hoạch và biểu đồ các tuyến vận tải hành khách công cộng theo quy định. Căn cứ vào nhu cầu đi lại của nhân dân để đề xuất phê duyệt công bố tuyến, thay đổi tuyến, lộ trình hoạt động của xe buýt;

Đề xuất tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng các tuyến xe buýt đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Ký kết hợp đồng theo quy định, nghiệm thu, thanh, quyết toán với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt về việc chấp hành các quy định trong lĩnh vực quản lý vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Chính phủ, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng ban hành.

c) Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các đơn vị kinh doanh vận tải và mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn; phối hợp với các sở, ngành trong quá trình triển khai và giám sát thực hiện.

d) Là đầu mối theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện văn bản này. Định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

e) Chủ trì tiếp nhận và giải quyết các đơn thư, kiến nghị (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

a) Hằng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ hoạt động, hỗ trợ miễn, giảm giá vé), kinh phí cấp thẻ cho các đối tượng miễn, giảm giá vé và các khoản chi hợp pháp khác liên quan đến việc tổ chức hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động.

b) Hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ chính sách theo Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện việc kê khai giá vé xe buýt theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thu hồi chi phí hỗ trợ lãi suất vay trong trường hợp các đối tượng được thụ hưởng không sử dụng vốn vay đúng mục đích.

3. Các cơ quan, đơn vị khác liên quan

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo đến các trường học, các cơ sở giáo dục đào tạo thông tin, tuyên truyền, khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Phối hợp cung cấp thông tin học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường học, cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh để kiểm tra, đối chiếu đối tượng được giảm giá vé theo quy định.

b) Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn đơn vị vận tải trong việc xác định các trường hợp thuộc đối tượng miễn, giảm giá vé theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

c) Đề nghị Kho bạc Nhà nước khu vực VIII

Phối hợp hướng dẫn thanh toán, thanh toán kinh phí hỗ trợ chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

d) Đề nghị Thuế tỉnh

Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra, đối soát doanh thu bán vé xe buýt; dữ liệu chứng từ hồ sơ vé xe buýt đối với các tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động của các đơn vị kinh doanh vận tải đề nghị thanh toán, quyết toán theo quy định.

đ) Đề nghị các tổ chức tín dụng

Phối hợp xác nhận Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và các thông tin có liên quan theo hồ sơ tín dụng, làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật;

Chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc sử dụng vốn vay của chủ dự án; thông báo ngay cho Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, Ủy ban nhân dân tỉnh khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay sai mục đích.

e) Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện báo chí, truyền thông, các trang mạng xã hội về danh mục các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động; truyền thông các chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động các tuyến xe buýt; chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động; chính sách miễn, giảm giá vé; tuyên truyền, vận động người dân tích cực sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường.

g) Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc rà soát nhu cầu đi lại của nhân dân, khảo sát vị trí quy hoạch và bảo vệ an toàn, mỹ quan của hệ thống hạ tầng bến bãi, trạm dừng, nhà chờ xe buýt trên địa bàn quản lý;

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi chính sách hỗ trợ phát triển xe buýt của tỉnh đến nhân dân địa phương; tuyên truyền, vận động người dân tích cực sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng;

Phối hợp xác minh, cung cấp thông tin về các đối tượng thụ hưởng trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa rõ ràng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về các đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND trên địa bàn bảo đảm chính xác, kịp thời.

Phối hợp theo dõi, giám sát cộng đồng và phản ánh kịp thời gửi Sở Xây dựng về tình hình hoạt động, chất lượng phục vụ hoặc các sự cố phát sinh của các tuyến xe buýt chạy qua địa bàn.

h) Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp kinh doanh vận tải bằng xe buýt về cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh;

Phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt quản lý, sử dụng đúng quy định của Nhà nước về số tiền hỗ trợ hoạt động, tiền hỗ trợ lãi suất vay đầu tư mới phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động. Thanh toán, quyết toán tiền hỗ trợ hoạt động bảo đảm đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ thanh toán, báo cáo quyết toán.

4. Chủ dự án và các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động

a) Chủ dự án:

Được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước theo quy định của Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND.

Thực hiện hoàn trả số tiền đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng vốn vay sai mục đích.

b) Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Tổ chức hoạt động vận tải theo đúng phương án khai thác tuyến xe buýt theo hợp đồng ký kết với Sở Xây dựng.

Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ (hỗ trợ kinh phí hoạt động, hỗ trợ lãi suất vay) đúng mục đích và quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chính sách miễn, giảm giá vé cho các đối tượng ưu tiên theo quy định, không được từ chối phục vụ hoặc từ chối thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé đối với đối tượng đủ điều kiện theo quy định. Công khai quy định miễn, giảm giá vé tại bến xe, trên xe buýt và trên trang thông tin điện tử, ứng dụng hoặc nền tảng phù hợp của đơn vị;

Kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực doanh thu bán vé miễn, giảm giá vé xe buýt, sử dụng vốn vay đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất. Nghiêm cấm việc kê khai không, kê khai không chính xác để trục lợi chính sách;

Phải lưu trữ đầy đủ chứng từ theo quy định để phục vụ việc đối chiếu, kiểm tra và báo cáo đúng thời hạn theo quy định;

Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có trách nhiệm quẹt thẻ nhận diện cho các đối tượng đủ điều kiện giảm giá, miễn giá vé đúng theo quy định;

Tuyên truyền, hướng dẫn nhân viên ứng xử văn hoá, văn minh đối với hành khách, thực hiện đúng quy trình khi tiếp xúc với đối tượng chính sách;

Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt giả mạo dữ liệu doanh thu, dữ liệu miễn, giảm giá vé để nhận kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

Lập dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, dự án đầu tư phương tiện xe buýt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và thực hiện thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư theo quy định;

Thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ, số liệu thanh toán, quyết toán.

5. Các cá nhân được miễn, giảm giá vé xe buýt

a) Có trách nhiệm thực hiện đăng ký miễn, giảm giá vé xe buýt theo đúng quy trình; cung cấp đầy đủ, trung thực các giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

b) Sử dụng thẻ đúng mục đích, bảo quản và giữ gìn thẻ, tuyệt đối không được tự ý can thiệp, thay đổi các thông tin trên thẻ và không cho người khác mượn, sử dụng thẻ dưới mọi hình thức.

c) Xuất trình thẻ hợp lệ cho nhân viên có thẩm quyền kiểm tra khi sử dụng các tuyến xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước.

d) Tuân thủ nghiêm các nội quy và hướng dẫn đối với hành khách sử dụng thẻ miễn, giảm giá vé khi tham gia vận tải hành khách công cộng.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Ký hiệu	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp thẻ miễn, giảm giá vé xe buýt
Mẫu số 02	Giấy đề nghị thanh toán
Mẫu số 03	Bảng tổng hợp doanh thu bán vé sử dụng dịch vụ xe buýt
Mẫu số 04	Bảng tổng hợp đối tượng được miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ xe buýt
Mẫu số 05	Biên bản xác nhận sản lượng
Mẫu số 06	Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phú Thọ, ngày ... tháng ... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ MIỄN, GIẢM GIÁ VÉ XE BUÝT

Ảnh
(3 x4)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ.

Họ và tên; Giới tính.....

Ngày, tháng, năm sinh:;

Căn cước (căn cước công dân) số; cấp ngày
.....; nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại liên hệ:

Đối tượng được miễn (hoặc giảm) giá vé xe buýt:

(Kèm theo các tài liệu, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm giá vé theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 08/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ:

+ Giấy xác nhận thuộc đối tượng miễn, giảm

+ Bản sao căn cước (hoặc căn cước công dân), Giấy khai sinh (đối với trẻ em dưới 6 tuổi).

+ 01 ảnh chân dung kích thước 3 x 4 (cm))

Tôi làm đơn này đề nghị được miễn (hoặc giảm) giá vé xe buýt trên tuyến xe buýt
.....

Tôi cam kết các thông tin kê khai trên là đúng sự thật và cam kết không cho người khác mượn thẻ, bảo quản, sử dụng đúng quy định./.

(Trường hợp đối tượng sử dụng là trẻ em, người khuyết tật hoặc người cao tuổi không có khả năng viết được đơn thì người giám hộ hợp pháp ký thay).

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tên đơn vị:

Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phú Thọ, ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ;

Tên người đề nghị thanh toán: Công ty

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ Quyết định số ... về việc

Căn cứ Bảng đối soát tổng vé điện tử đối với đối tượng được hỗ trợ khi sử dụng dịch vụ xe Buýt (miễn/ giảm giá vé) của Công ty

Công ty đề nghị được thanh toán số tiền hỗ trợ kinh phí hoạt động, tiền hỗ trợ miễn, giảm giá vé phát sinh từ ngày đến ngày theo quy định Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 08/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ đã sử dụng dịch vụ xe buýt do đơn vị vận chuyển như sau:

1. Tiền hỗ trợ kinh phí hoạt động:

- Doanh thu bán vé (không bao gồm doanh thu vé được miễn, giảm giá vé theo quy định): (đồng);

- Số tiền đề nghị thanh toán: (đồng).

2. Tiền hỗ trợ miễn, giảm giá vé:

- Tổng số khách ưu tiên: (người);

- Số tiền đề nghị thanh toán: (đồng);

3. Tổng số tiền đề nghị thanh toán:

- Số tiền bằng chữ:(đồng);

- Tài khoản thụ hưởng:

- Tại ngân hàng:

- Người thụ hưởng:

(Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Bảng kê tổng hợp doanh thu bán vé: Thống kê chi tiết theo từng ngày, từng tuyến, số lượng vé đã bán và mệnh giá vé. (2) Bảng tổng hợp

đối tượng được miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ; (3) Biên bản xác nhận sản lượng và kinh phí hỗ trợ; (4) Bảng tổng hợp Vé điện tử đã truyền cơ quan thuế)

Trân trọng đề nghị!

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tên đơn vị:
Số:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN VÉ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XE BUÝT

Từ ngày đến ngày.....

[illegible]

Số tiền bằng chữ:

Phú Thọ, ngày tháng..... năm

SỞ XÂY DỰNG KIỂM TRA XÁC NHẬN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Tên đơn vị:
Số:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM GIÁ VÉ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XE BUÝT
Từ ngày đến ngày.....

ST T	Họ tên khách hàng	Đối tượng hỗ trợ	Tuyến sử dụng	Tuyến/Cung chặng	Số lượt	Giá vé theo quy định	Tỷ lệ miễn, giảm (%)	Thành tiền	Chứng từ kèm theo	Ghi chú
I	Danh sách đối tượng miễn giá vé xe buýt						100%			
II	Danh sách đối tượng được giảm giá vé xe buýt						50%			
									<i>Giấy xác nhận</i>	
									<i>Thẻ CCCD</i>	
	Tổng									

SỞ XÂY DỰNG KIỂM TRA XÁC NHẬN

Phú Thọ, ngày tháng..... năm
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN SẢN LƯỢNG

V/v: Khách hàng sử dụng dịch vụ xe buýt trên các tuyến buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ:

-

-

2. Đại diện doanh nghiệp cung cấp dịch vụ:

- Tên đơn vị:

- Địa chỉ:

- Người đại diện:.....

- Số điện thoại liên hệ:.....

Cùng tiến hành xác nhận sản lượng khách hàng sử dụng dịch vụ xe buýt của Công ty từ ngày đến ngày như sau:

1. Khách hàng sử dụng dịch vụ vé lượt, vé tháng (không bao gồm đối tượng được ưu tiên miễn, giảm giá vé):

STT	Ngày	Tên tuyến	Mã tuyến	Mệnh giá (đồng)	Số lượng vé	Thành tiền	Ghi chú
							<i>Vé lượt</i>
							<i>Vé tháng</i>
	Tổng doanh thu bán vé						
	Kinh phí hỗ trợ						

Số tiền bằng chữ:.....

2. Đối tượng miễn, giảm giá vé:

STT	Tên tuyến	Tổng khách	Đối tượng				
			HS-SV	Trẻ em	Người cao tuổi	Người khuyết tật	...
	Tổng sản lượng						
	Kinh phí hỗ trợ theo đối tượng						
	Tổng kinh phí hỗ trợ theo đối tượng						

(Số tiền bằng chữ:)

3. Tổng kinh phí hỗ trợ hoạt động, hỗ trợ miễn, giảm giá vé:

.....

Số tiền bằng chữ:

Biên bản này được lập thành 03 (bản), mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thực hiện thanh toán, lưu hồ sơ theo quy định và 01 bản gửi Sở Tài chính giám sát thanh, quyết toán.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH PHÚ THỌ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI DỮ LIỆU HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn, chứng từ bán ra					Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
	Tên loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11
	Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):									
1	5 - Tem, Vé, Thẻ, Phiếu thu điện tử									
2	5 - Tem, Vé, Thẻ, Phiếu thu điện tử									
3	5 - Tem, Vé, Thẻ, Phiếu thu điện tử									
Tổng Cộng										
Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*) :										
Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**):										

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./

Phụ Thọ, ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN
HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế

(Ghi chú: Doanh thu hàng hoá, dịch vụ đã được cơ quan thuế xác nhận)